

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 225 /2018/DS-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Hữu Trí

Ông Trương Thành Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:***
Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 240/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam T

Trụ sở: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: **Ngô Chí Dũng**, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị ủy quyền cho ông **Đỗ Thành Trung** – phó tổng giám đốc công ty TNHH Quản lý tài sản Ngân hàng TMCP Việt Nam T kiêm Phó giám đốc khối pháp chế theo giấy ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018.

Ông **Đỗ Thành T** ủy quyền cho ông **Hà Xuân D** và ông **K'B** theo giấy ủy quyền số 12513/2018/UQ-VPB ngày 02/6/2018.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2, số 296 Phan Xích L, phường 7, quận P, thành phố H.

Bị đơn:Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm: 1991

Địa chỉ: Số 05/4402, ấp H, TT A, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/6/2018, bản tự khai cùng ngày 28/7/2018 trong quá trình xét xử và lời khai trước phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn ông Hà Xuân D trình bày:

Ngày 31/3/2016, chị Nguyễn Thị Ngọc N và Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T ký giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn. Căn cứ vào thu nhập của chị N, Ngân hàng đã cho chị N vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20160408-101066-3467 vay số tiền 52.500.000đồng; trong đó: số tiền vay 50.000.000 đồng và phí bảo hiểm 2.500.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn làm lò bán rượu, lãi suất 40.00%/năm. Thời gian vay 36 tháng. Theo thỏa thuận, chị N có trách nhiệm thanh toán số tiền bao gồm cả gốc và lãi hàng tháng. Từ khi vay, chị N thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 5.102.699 đồng, trong đó vốn gốc được 1.557.018 đồng và lãi là 3.545.681 đồng. Kể từ ngày 15/6/2016 cho đến nay chị N không thanh toán tiền cho ngân hàng dù Ngân hàng có nhắc nhở chị N nhiều lần. Tính đến ngày 29/11/2018 chị N còn thiếu nợ ngân hàng số tiền vốn 50.942.982 đồng và nợ lãi là 76.175.059 đồng, tổng cộng là 127.118.041đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười tám ngàn không trăm bốn mươi một đồng). Nay Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc N phải trả số tiền 127.118.041 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật tại hợp đồng đã ký kết từ ngày 30/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị Nguyễn Thị Ngọc N vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh hộ khẩu đối với Nguyễn Thị Ngọc N vẫn còn hộ khẩu tại ấp H, TT A, huyện C, An Giang. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc N theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn đã không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vay theo thẻ tín dụng còn thiếu lại + tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc N có ký giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn với Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T vào ngày 31/3/2016, với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, do đó có cơ sở xác định giữa chị N và Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T có giao kết hợp đồng dân sự. Qua nghiên cứu hồ sơ và lời trình bày của Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T tại phiên tòa, xác định chị N chỉ là hộ dân nấu rượu bán thông thường, chị N không có đăng ký loại hình kinh doanh nào và chị N cũng chưa được cấp giấy phép kinh doanh. Do đó nay Hội đồng xét xử xác định lại đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi có trụ sở của chị Nguyễn Thị Ngọc N giải quyết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.3] Chị Nguyễn Thị Ngọc N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ngọc N theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn đã xác định giữa chị Nguyễn Thị Ngọc N với Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T đã thực hiện hợp đồng vay vốn, theo đó chị N đã vay với số tiền 52.500.000 đồng; trong đó: số tiền vay 50.000.000 đồng và phí bảo hiểm 2.500.000 đồng. Từ khi vay, chị N thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 5.102.699 đồng, trong đó vốn gốc được 1.557.018 đồng và lãi là 3.545.681 đồng. Kể từ ngày 15/6/2016 cho đến nay chị N không thanh toán tiền cho ngân hàng dù Ngân hàng có nhắc nhở chị N nhiều lần. Nay chị N còn thiếu nợ ngân hàng số tiền vốn 50.942.982 đồng và nợ lãi là 76.175.059 đồng, tổng cộng là 127.118.041 đồng.

Xét về nội dung tranh chấp trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị N là người có lỗi là không thực hiện nghĩa vụ của mình là trả vốn + lãi theo thỏa thuận. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị N phải thanh toán số tiền còn nợ số tiền vốn 50.942.982 đồng và nợ lãi là 76.175.059 đồng, tổng cộng là 127.118.041 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Theo hợp đồng thỏa thuận, chị N phải thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng chị N không thực hiện nên Ngân hàng thông báo thu hồi nợ và chuyển toàn bộ số tiền nợ còn lại thành nợ quá hạn và tính lãi theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng với mức lãi suất được tính theo từng thời kỳ, lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 3,33%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn

bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiền lãi phát sinh tính đến ngày 15/6/2016 với số tiền là 76.175.059 đồng, theo bảng kê của Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 244, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Áp dụng khoản 2 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T. Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền vốn, lãi tính đến ngày 29/11/2018 tổng cộng là **127.118.041** đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười tám ngàn không trăm bốn mươi một đồng) và phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận theo giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn tương ứng với số nợ gốc kể từ ngày 30/11/2018 cho đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 6.355.000 đ (sáu triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền 2.795.000 đ (Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003578 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Về kháng cáo: Ngân hàng thương mại Cổ phần Việt Nam T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2018). Chị Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Dung

